

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 140/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 26 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung biểu giá thu một phần viện phí

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 95/CP ngày 27 tháng 8 năm 1995 của Chính phủ về việc thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên Bộ số 14/TTLB ngày 30 tháng 9 năm 1995 của liên Bộ: Y tế - Tài chính - Lao động-Thương binh và Xã hội - Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 26 tháng 01 năm 2006 của liên Bộ: Y tế - Tài chính - Lao động-Thương binh và Xã hội bổ sung Thông tư liên Bộ số 14/TTLB;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2006 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành biểu giá thu một phần viện phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2008 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành biểu giá thu một phần viện phí đối với các phẫu thuật, thủ thuật quy định tại mục C2.7 của Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH;

Xét đề nghị của liên Sở Y tế - Tài chính tại Tờ trình số 64/TTr-SYT-STC ngày 18 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung biểu giá thu một phần viện phí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung biểu giá thu một phần viện phí đối với phẫu thuật, thủ thuật và các dịch vụ kỹ thuật cận lâm sàng áp dụng kỹ thuật mới đang được triển khai tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Phú Yên (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao trách nhiệm Sở Y tế phối hợp các Sở: Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo đúng các quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Lộc

Phụ lục
BIỂU GIÁ THU MỘT PHẦN VIỆN PHÍ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

STT	Nội dung	Bệnh viện tỉnh, Trung tâm/Trạm chuyên khoa	Bệnh viện ĐK huyện/TX/TP; Phòng khám ĐK khu vực	Trạm y tế xã/phường
	I. PHẦN PHẪU THUẬT			
	1. Khô u			
1	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo	1.620.000	1.458.000	
2	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ eo tuyến giáp bằng dao siêu âm (chưa tính tiền khấu hao dao siêu âm)	1.620.000	1.458.000	
3	Phẫu thuật nội soi cắt 01 thùy tuyến giáp bằng dao siêu âm (chưa tính tiền khấu hao dao siêu âm)	1.620.000	1.458.000	
4	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp bằng dao siêu âm (chưa tính tiền khấu hao dao siêu âm)	2.250.000	2.025.000	
5	Phẫu thuật nội soi bóc nang (nhân) tuyến giáp	1.620.000	1.458.000	
6	Phẫu thuật bóc u mỡ trên 5cm vùng vai gáy	720.000	648.000	
7	Cắt polyp mũi có gây mê	720.000	648.000	
	2. Răng hàm mặt			
1	Phẫu thuật nội soi cắt nang xương hàm	1.377.000	1.240.000	
2	Cố định xương hàm gãy, bằng nẹp, máng và cung	900.000	810.000	
	3. Tiêu hóa - bụng			
1	Phẫu thuật nội soi khâu mạc treo, mạc nối cầm máu trong chấn thương ổ bụng	1.620.000	1.458.000	
2	Phẫu thuật nội soi cắt nang mạc treo ruột	1.620.000	1.458.000	
3	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng ruột non	1.540.000	1.386.000	
4	Phẫu thuật khâu lỗ thủng ruột non	900.000	810.000	
5	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn, dị vật, giun	1.377.000	1.240.000	
6	Phẫu thuật cắt trĩ bằng dao siêu âm	1.540.000	1.386.000	
7	Khâu da thì 2 sau phẫu thuật ổ bụng	720.000	648.000	
	4. Tiết niệu - sinh dục			

1	Phẫu thuật nội soi mở niệu quản lấy sỏi	1.620.000	1.458.000	
2	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi bể thận	2.250.000	2.025.000	
3	Phẫu thuật nội soi khâu bàng quang vỡ đơn thuần	1.620.000	1.458.000	
4	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn một bên ở người lớn	855.000	770.000	
5	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên ở người lớn	1.620.000	1.458.000	
6	Phẫu thuật hạ tinh hoàn một bên ở người lớn	1.540.000	1.386.000	
7	Cắt polyp, u lành tính bàng quang qua nội soi	1.620.000	1.458.000	
	5. Phụ sản			
1	Phẫu thuật nội soi bóc nhân xơ tử cung	2.250.000	2.025.000	
2	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	1.620.000	1.458.000	
3	Phẫu thuật nội soi nối vòi trứng	2.250.000	2.025.000	
4	Phẫu thuật nội soi cắt khối thai ngoài tử cung	1.620.000	1.458.000	
5	Phẫu thuật cầm máu do vỡ nang Grape	900.000	810.000	
6	Phẫu thuật lấy khối máu tụ và cầm máu thành âm đạo	720.000	648.000	
7	Phẫu thuật cắt u nang buồng trứng xoắn	900.000	810.000	
8	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ chưa choáng	855.000	770.000	
9	Khâu eo tử cung sau sảy thai nhiều lần	1.377.000	1.240.000	
	6. Chấn thương chỉnh hình			
1	Phẫu thuật dẫn lưu máu khớp gối sau chấn thương	720.000	648.000	
2	Kết hợp xương cẳng chân bằng đinh nội tủy (chưa tính tiền đinh)	1.377.000	1.240.000	
3	Kết hợp xương trong vỡ mồm khuỷu (chưa tính tiền đinh và chỉ thép)	900.000	810.000	
4	Kết hợp xương trong vỡ xương gót (chưa tính tiền đinh và chỉ thép)	900.000	810.000	
5	Phẫu thuật cắt nang thận một bên	1.377.000	1.240.000	
6	Phẫu thuật kết hợp xương cánh tay bằng nẹp vít (chưa tính tiền nẹp, vít)	1.377.000	1.240.000	
7	Phẫu thuật khâu nối gân Achille do chấn thương	1.620.000	1.458.000	

8	Phẫu thuật cắt u nang bao hoạt dịch > 5cm vùng khoeo chân	900.000	810.000	
II. PHẦN THỦ THUẬT				
1. Hồi sức cấp cứu				
1	Đặt Monitoring theo dõi bệnh nhân/1 lần sử dụng	20.000	18.000	
2	Chọc tĩnh mạch dưới đòn đo CVP (chưa bao gồm tiền kim, catheter)	20.000	18.000	
3	Thở Mask Ventury (chưa tính tiền vật tư tiêu hao)	14.000/giờ	13.000/giờ	
4	Thở Mask oxy có túi (chưa tính tiền vật tư tiêu hao)	14.000/giờ	13.000/giờ	
5	Thở Mask thông thường (chưa tính tiền vật tư tiêu hao)	14.000/giờ	13.000/giờ	
6	Thở CPAS	14.000/giờ	13.000/giờ	
7	Thở Oxy qua mũi	Tính theo giá hiện hành theo dung tích sử dụng thực tế	Tính theo giá hiện hành theo dung tích sử dụng thực tế	
8	Sử dụng syringe bơm liên tục/1 lần sử dụng	10.000	9.000	
2. Tai mũi họng				
1	Lấy dị vật trong tai có gây mê	420.000	378.000	
2	Rạch tháo mũ dò luân nhĩ bội nhiễm	70.000	63.000	
3	Dẫn lưu áp xe vách ngăn mũi	97.000	87.000	
4	Khí dung qua siêu âm (chưa tính tiền thuốc)/1 lần	20.000	18.000	
5	Soi, nhét mèch ống tai cầm máu	30.000	27.000	
3. Răng hàm mặt				
1	Nắn chỉnh răng và xương ổ răng gãy	128.000	115.000	
4. Tiêu hóa - bụng				
1	Súc rửa Kehr/ 1 lần	40.000	36.000	
5. Phụ sản				
1	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	180.000	162.000	
2	Đặt Kovac	120.000	108.000	
6. Chấn thương chỉnh hình				
1	Thay băng vết bỏng $\leq 5\%$ diện tích cơ thể	60.000	54.000	
2	Thay băng vết bỏng $> 5\%$ diện tích cơ thể	90.000	81.000	
3	Bỏ bột chống xoay các loại	100.000	90.000	
4	Khoan xuyên đinh kéo tạ trong điều trị gãy xương đùi, xương cẳng	535.000	482.000	

	chân			
5	Chọc hút máu tụ ổ khớp	150.000	135.000	
	7. Tiết niệu - sinh dục			
1	Đặt sond Foley bàng quang ở bệnh nhân dò niệu đạo	20.000	18.000	
2	Rửa bàng quang liên tục (chưa tính tiền nước muối)	90.000	81.000	
	8. Sơ sinh - nhi			
1	Chiếu đèn điều trị vàng da/1 lần	35.000	32.000	
2	Khí dung điều trị hen trẻ em (chưa tính tiền thuốc)/1 lần	15.000	14.000	
	III. DỊCH VỤ KỸ THUẬT CẬN LÂM SÀNG			
1	Siêu âm bìu	20.000	18.000	
2	Siêu âm vú	20.000	18.000	
3	Siêu âm tuyến giáp	20.000	18.000	
4	Chụp cắt lớp vi tính chẩn đoán viêm tai xương chũm (không có thuốc cản quang)	500.000	450.000	
5	Điện giải đồ 5 điện cực (K ⁺ , Na ⁺ , Ca ⁺⁺ , Cl ⁻ , pH)	60.000	54.000	
6	Huyết thanh chẩn đoán sán lá gan	60.000	54.000	
7	Điện não đồ 30 kim	50.000	45.000	